

TỪ LÝ LUẬN PHÂN PHỐI THU NHẬP CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ TƯ SẢN CỔ ĐIỂN ANH ĐẾN LÝ LUẬN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA KARL MARX

Triệu Đức Hạnh^{1*}, Nguyễn Thị Mão²

¹Trung tâm Học liệu – ĐH Thái Nguyên

²Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Học thuyết giá trị thặng dư là hòn đá tảng trong học thuyết kinh tế của Karl Marx. Từ lý luận phân phối thu nhập của các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, K.Marx đã kế thừa có phê phán và làm rõ bản chất của tiền công và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư. Lý luận phân phối thu nhập của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh được xây dựng dựa trên nội dung tổng thu nhập xã hội được phân phối cho ba chủ thể cơ bản: lao động làm thuê, nhà tư bản, địa chủ. Sự phân tích khách quan, khoa học của các nhà lý luận kinh tế tư sản cổ điển Anh về quan hệ kinh tế giữa ba giai cấp cơ bản đã có ý nghĩa đặt nền móng cho Karl Marx phân tích lý luận về quan hệ bóc lột trong xã hội tư bản và lý luận giá trị thặng dư.

Từ khóa: Phân phối thu nhập; Kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh; Giá trị thặng dư; học thuyết Marx

Chủ nghĩa Marx xuất hiện vào những năm 40 của thế kỷ XIX – thời điểm lịch sử mà hệ thống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã chiếm địa vị thống trị ở nhiều nước Tây Âu và Mỹ. Chủ nghĩa Marx “...ra đời là sự thừa kế thẳng và trực tiếp những học thuyết của các đại biểu xuất sắc nhất trong triết học, trong kinh tế chính trị học và trong chủ nghĩa xã hội” [1]. Dựa vào những thành tựu của kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, vận dụng phương pháp biện chứng duy vật, duy vật lịch sử và trừu tượng hóa khoa học trong nghiên cứu, Karl Marx đã làm cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong kinh tế chính trị và xây dựng nên học thuyết kinh tế của mình. Trong đó, học thuyết giá trị thặng dư là hòn đá tảng trong học thuyết kinh tế của K.Marx.

Học thuyết giá trị thặng dư không chỉ nghiên cứu trực tiếp sự tồn tại và phát triển quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để tìm ra quy luật giá trị thặng dư với tư cách là quy luật kinh tế tuyệt đối của xã hội tư bản mà còn nghiên cứu các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong hiện thực. Từ lý luận phân phối thu nhập của các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, K.Marx đã kế thừa có phê phán và làm rõ bản chất của tiền công và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư.

LÝ LUẬN PHÂN PHỐI THU NHẬP CỦA KINH TẾ CHÍNH TRỊ TƯ SẢN CỔ ĐIỂN ANH

Theo các nhà kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh, tổng thu nhập xã hội được phân phối cho ba chủ thể cơ bản trong nền kinh tế thể hiện qua ba phạm trù kinh tế cơ bản. Đó là, lao động làm thuê có thu nhập là tiền công, tiền lương; nhà tư bản có thu nhập là lợi nhuận, lợi tức; địa chủ (chủ sở hữu ruộng đất) có thu nhập là địa tô. Các đại biểu đã đề cập đến mối quan hệ giữa ba nguồn thu nhập này như sau:

Theo Adam Smith (1723 - 1790), trong xã hội tư bản, tiền lương là một phần thu nhập của công nhân làm thuê, là một phần của sản phẩm lao động. Ông chỉ rõ mâu thuẫn giữa nhà tư bản và người công nhân: “*công nhân muốn lĩnh được càng nhiều càng tốt, còn chủ muốn trả càng ít càng hay*”. Giải quyết mâu thuẫn đó lợi thế thuộc về nhà tư bản, công nhân ở vào thế bất lợi [1, tr.66].

Xuất phát từ luận điểm: “*cái giá trị mà công nhân thêm vào giá trị của các vật liệu, tự nó được phân giải thành hai bộ phận, trong đó một bộ phận được chi vào tiền lương, còn bộ phận kia thì để trả cho lợi nhuận của nhà kinh doanh*”, có thể nói rằng, Adam Smith đã chỉ rõ nguồn gốc và bản chất của lợi nhuận: là

* Tel: 0945.017.459; Email: tdhanh@lrc-tnu.edu.vn

một khoản khấu trừ do công nhân tạo ra, là kết quả của lao động đem lại. Luận điểm này là thành tựu cao nhất của kinh tế chính trị tư sản cổ điển, vì đã nêu lên được quan hệ kinh tế cơ bản nhất trong xã hội tư bản [1, tr.67].

Về lợi tức ông cho rằng, lợi tức là một bộ phận của lợi nhuận, được đẻ ra từ lợi nhuận. Lợi tức của tư bản cho vay được trả bằng cách lấy vào lợi nhuận thuần túy và do mức lợi nhuận thuần túy quyết định.

Ông cũng cho rằng, địa tô là khoản khấu trừ thứ nhất vào sản phẩm lao động. Như vậy, về lượng đây là khoản dôi ra ngoài tiền lương của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản (ám chỉ phần lợi nhuận siêu ngạch mà tư bản kinh doanh nông nghiệp thu được phải nộp cho địa chủ); về mặt chất, là kết quả của việc bóc lột lao động nông nghiệp trực tiếp sản xuất.

David Ricardo (1772 - 1823) không trực tiếp trình bày nguồn gốc lợi nhuận, nhưng qua quan điểm cho rằng: “tiền công thấp chỉ là một tên gọi khác đi đôi với lợi nhuận cao” [1, tr.81] cho thấy Ricardo đã xác nhận giá trị mới do công nhân sáng tạo ra bao gồm tiền lương và lợi nhuận, hay lợi nhuận là phần giá trị lao động do công nhân làm thuê tạo ra nhưng không được trả công. Ông cho rằng nếu hạ thấp tiền công thì lợi nhuận tăng lên còn giá trị hàng hoá không đổi, tức chỉ ra xu hướng vận động đối lập giữa tiền công và lợi nhuận – cơ sở kinh tế trong quan hệ giữa giai cấp tư sản với giai cấp vô sản. Về địa tô, D.Ricardo cho rằng, đó là một phần giá trị do lao động tạo ra, là một hình thức phái sinh của lợi nhuận, là kết quả của sự phân phối lại [1-tr.82].

LÝ LUẬN GIÁ TRỊ THẶNG DƯ CỦA K. MARX

Sự phân tích khách quan, khoa học của các nhà lý luận kinh tế tư sản cổ điển Anh về quan hệ kinh tế giữa ba chủ thể cơ bản đã có ý nghĩa đặt nền móng cho Karl Marx phân tích lý luận về quan hệ bóc lột trong xã hội tư bản và lý luận giá trị thặng dư.

Trước hết, K.Marx đã phát hiện rằng, quan hệ mua bán giữa nhà tư bản và người công nhân không phải là mua bán hàng hóa lao động như các nhà lý luận tư sản đã viết mà là mua bán một loại hàng hóa đặc biệt – hàng hóa sức lao động. Hàng hóa này có hai thuộc tính giá trị và giá trị sử dụng khác với các hàng hóa thông thường. Giá trị của hàng hóa sức lao động được đo gián tiếp bằng giá trị những tư liệu sinh hoạt tối thiểu cần thiết để sản xuất, tái sản xuất sức lao động của công nhân và gia đình họ cùng các phí tổn đào tạo, ngoài ra còn bao hàm những yếu tố tinh thần, lịch sử và dân tộc... Giá trị sử dụng của hàng hóa này khi được tiêu dùng trong quá trình sản xuất, có khả năng tạo ra một lượng giá trị mới lớn hơn giá trị của chính của bản thân nó khi được mua về. Do đó, dù nhà tư bản trả đủ giá trị sức lao động cho công nhân trên cơ sở trao đổi ngang giá thì vẫn thu được phần giá trị dôi ra tức vẫn tồn tại quan hệ bóc lột, phần dôi ra đó được K.Marx gọi là giá trị thặng dư, thỏa mãn mục đích của các nhà tư bản. Như vậy, bóc lột lao động làm thuê biểu hiện thành bóc lột giá trị thặng dư là bản chất của nền sản xuất hàng hóa TBCN, là quy luật kinh tế tuyệt đối của CNTB.

Tỷ số giữa giá trị thặng dư và tư bản khả biến hay tỷ số giữa thời gian lao động thặng dư và thời gian lao động cần thiết là tỷ suất giá trị thặng dư; đại lượng đó nói lên mức độ (trình độ) bóc lột của nhà tư bản đối công nhân làm thuê, của giai cấp tư sản đối với giai cấp vô sản. Giá trị thặng dư có biểu hiện bề ngoài là một số tiền dôi ra ngoài giá trị hàng hóa và tư bản ứng trước (chi phí sản xuất tư bản chủ nghĩa). Số tiền đó có tên gọi là lợi nhuận. Phạm trù lợi nhuận đã che giấu quan hệ bóc lột vì nó làm cho người ta lầm tưởng rằng, đó là con đẻ của tư bản ứng trước ($c + v$) chứ không phải là con đẻ của tư bản khả biến (v).

Tổng số giá trị thặng dư bóc lột từ lao động làm thuê, được phân chia thành các loại thu nhập ăn bám trong xã hội tư bản: lợi nhuận công nghiệp, lợi nhuận thương nghiệp, lợi nhuận ngân hàng; nó còn được phân chia nhỏ hơn nữa thành lợi nhuận doanh nghiệp, lợi tức

cho vay v.v.. Quá trình phân chia đó tuân thủ theo quy luật cạnh tranh bình quân hóa tỷ suất lợi nhuận. Giá trị thặng dư còn phải phân chia cho chủ sở hữu ruộng đất dưới hình thức địa tô. Như vậy, tổng số giá trị thặng dư do toàn bộ giai cấp vô sản sáng tạo ra trong các ngành sản xuất vật chất bị toàn bộ giai cấp tư sản và địa chủ phân chia nhau trong cuộc đấu tranh không khoan nhượng. K.Marx đã khẳng định, các loại thu nhập nói trên thực chất là hình thức biểu hiện, là sự biến tướng của giá trị thặng dư mà thôi.

Như vậy, trong lý luận phân phối thu nhập của Adam Smith, David Ricardo cũng như của Karl Marx đã khẳng định, đó là cơ chế phân phối bất bình đẳng mà chủ thể phân phối là những người chiếm hữu tư liệu sản xuất. Từ đó K.Marx đề xuất lý thuyết phân phối thu nhập của chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản với chủ thể phân phối là quần chúng nhân dân lao động khi toàn bộ tư liệu sản xuất được công hữu – cơ sở kinh tế cho sự xóa bỏ triệt để sự bóc lột, sự phân phối bất bình đẳng.

Từ việc nghiên cứu lý luận phân phối thu nhập của các đại biểu thuộc trường phái kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh và sự phân tích quan hệ bóc lột trong lý luận giá trị thặng dư của K.Marx, chúng ta thấy trong giai đoạn phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay của Việt Nam – thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội cần khách quan nói rằng:

Thứ nhất, dưới góc độ kinh tế, trong chừng mực nhất định, quan hệ bóc lột chưa thể xóa bỏ triệt để ngay. Càng phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần càng thấy rõ, khi quan hệ bóc lột còn có tác dụng nhất định trong giải phóng sức sản xuất, tạo động lực phát triển kinh tế, tạo điều kiện hội nhập thành công trong quan hệ kinh tế quốc tế và thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển thì cần phải chấp nhận sự hiện diện của nó.

Thứ hai, để từng bước hạn chế bất bình đẳng trong quan hệ phân phối, mọi chủ trương, đường lối của Đảng cần được thể chế hóa thành luật, lấy luật làm công cụ và cơ sở để điều chỉnh các hành vi xã hội nói chung, hành

vi bóc lột nói riêng. Ai chấp hành đúng pháp luật thì được xã hội thừa nhận và tôn vinh theo phương châm: dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh. Trong nhận thức, nên coi đó cũng chính là mức độ bóc lột được xã hội chấp nhận, tức là làm giàu hợp pháp. Trong quản lý xã hội, nhà nước phải kiểm soát chặt chẽ thu nhập cá nhân, thu nhập doanh nghiệp để một mặt, chống thất thu thuế, mặt khác, bảo đảm sự công bằng trong phân phối thông qua nhà nước bằng các "kênh" phân phối lại và điều tiết thu nhập xã hội.

Thứ ba, nhà nước cần tăng cường đầu tư cho phát triển giáo dục, đào tạo nhằm nâng cao trình độ dân trí và nguồn nhân lực, mở ra cơ hội phát triển công bằng, bình đẳng cho mọi người; tăng cường đầu tư công vào các khu vực kém phát triển, đặc biệt nông thôn và miền núi nơi có lợi suất kinh tế thấp. Đồng thời, phải nâng cao chất lượng quản lý đầu tư công cũng như cải thiện chất lượng các dịch vụ công theo hướng công khai, minh bạch, đơn giản, thuận tiện, nhanh chóng, nếu không các kết quả đầu tư sẽ không đến với người nghèo.

Lý luận về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong học thuyết kinh tế chính trị của Karl Marx là kết quả của sự kế thừa và phát triển hoàn thiện các giá trị tư tưởng của nhân loại, trực tiếp là lý luận kinh tế chính trị tư sản cổ điển Anh. Đó là minh chứng cho quá trình phản ánh biện chứng, tự giác, tích cực, sáng tạo hiện thực khách quan trong tư duy kinh tế của nhân loại, là cơ sở khẳng định tính đúng đắn, khoa học trong lý luận giá trị thặng dư của K.Marx. Quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, đặt ra cho mỗi chúng ta trong nhận thức cũng như trong quá trình xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước cần tiếp tục nghiên cứu sâu sắc và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các quan điểm kinh tế của K.Marx nhằm tạo lập mối quan hệ, cách ứng xử giữa người với người trong hoạt động kinh tế có tính nhân văn, đồng thời phát huy mạnh mẽ tính sáng tạo, năng động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực phát triển kinh tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh: *Giáo trình lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội 2006, tr.138.

2. GS.TS. Bùi Ngọc Chương: *Ý nghĩa ngày nay của học thuyết về giá trị thặng dư của Các Mác* – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

SUMMARY

FROM THE THEORY OF INCOME DISTRIBUTION OF THE POLITICAL BOURGEOIS CLASSIC BRITISH ECONOMISTS TO THE THEORY OF SURPLUS VALUE OF KARL MARX

Trieu Duc Hanh^{1*}, Nguyen Thi Mao²

¹Learning Resources Center – TNU

²College of Education - TNU

The surplus value theory is the fundament of the economic theory of Karl Marx. From the theory about the income distribution of the political bourgeois classic British economists, K.Marx critically inherited and clarified the content of wages and other forms in expression of the surplus value. The theory of income distribution of political bourgeois classic British economist built based on the content of total social income is distributed to three primary actors are hired laborers, capitalists, landlords. The objective and scientific analysis of the the political bourgeois classic British economists between the three basic classes, has laid the foundation for meaningful analysis of Karl Marx theory on exploitative relations in the capitalist society and the surplus value theory.

Key words: *income distribution; political bourgeois classic British economic; surplus value; theory of Karl Marx*

Ngày nhận bài: 06/5/2013; Ngày phản biện: 24/5/2013; Ngày duyệt đăng: 02/10/2013

Phản biện khoa học: TS. Vũ Thị Tùng Hoa – Trường Đại học Sư phạm – ĐH Thái Nguyên

* Tel: 0945.017.459; Email: tdhanh@lrc-tnu.edu.vn